

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST

Ngày: 26-01-2022

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hồ Đắc Minh;

2/ Bà Nguyễn Thị Thu Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2021/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Văn H, sinh năm 1981; tại tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp TH, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1953 (đã chết năm 2020) và Trần Thị Nh, sinh năm 1953; vợ: Dương Thuý H, sinh năm 1986; bị cáo có hai người con: Lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Bị cáo đã bị Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù giam về tội gây rối trật tự công cộng, theo bản án số 26/HSST ngày 19/9/2000. Ngày 05/7/2001, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và đã đóng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã được xoá án tích; bị cáo đã bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Cướp tài sản”, theo Bản án số 170/HSST ngày 21/8/2003.

Ngày 02/11/2006, bị cáo H chấp hành xong hình phạt tù và đã đóng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo đã được xoá án tích. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:

- Ông Dương Văn Nhựt N, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện CT, tỉnh An Giang. (Xin vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số xxx, khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (Xin vắng mặt).

* Người tham gia tố tụng khác:

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vương Văn S (N), sinh năm 1991; địa chỉ: Số xx khu phố BD, phường BH, thành phố TA, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt).

* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Chí N. (Xin vắng mặt).

- Ông Nguyễn Duy A. (Xin vắng mặt).

- Ông Phạm Thành Ph. (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Văn S. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bé L. (Vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Văn H và Nguyễn Duy A (D), Nguyễn Chí N và Phạm Thành Ph là bạn và thường uống cà phê chung với nhau. A làm thuê cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973, nơi cư trú: xxx, ấp HP, xã HĐ, huyện TA, tỉnh Bình Dương (nay là Phường HĐ, thành phố TA, tỉnh Bình Dương). Công việc của A là thu gom gà ở các trại gà về cho ông T. Mỗi lần A đi thì ông T giao tiền cho A để trả cho các chủ trại gà. A tự lái xe tải loại 1.5 tấn mang biển số 53M - 7582 của ông Thu đi một mình hoặc ông Thu cho thêm một người nữa cùng đi với A. Nhiều lần trong lúc ngồi uống cà phê với H và N, A thường đem số tiền mà ông T đưa cho để trên bàn và nói đùa với H, N là “*Tao cho tụi bây đó*”. H và N nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông T. Ngày 23/3/2009, A đến quán cà phê Điểm Hẹn thuộc xã BH, huyện TA, tỉnh Bình Dương thì gặp N và H, cả ba người ngồi chung bàn. Trong lúc uống cà phê, H nói với A “*Giờ tao kẹt quá, mày đi làm cầm tiền thì để cho tao với N cướp số tiền đó*”, A trả lời “*Để từ từ*”. Uống cà phê xong, cả bọn ra về. Những ngày

sau đó, mỗi khi uống cà phê thì H và N hỏi A “*Hôm nay cướp được không?*”, A trả lời “*Hôm nay đi đoạn đường đông người*” hoặc “*Hôm nay không mang theo tiền*”. Khoảng 08 giờ sáng ngày 03/4/2009, cả nhóm cùng uống cà phê ở quán “*Điểm Hẹn*” có H, N, A và Đoàn Văn S, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: ấp TH, xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng. Ngồi khoảng 15 phút thì S ra về. Còn lại H, N, A thì H hỏi “*Hôm nay làm (Cướp) được chưa?*”. A trả lời “*Để lên ông T coi nay đi đoạn đường nào đã*”. N nói “*Hôm nay xe đâu mà đi?*”. Cùng lúc này thì Ph điều khiển xe mô tô biển số 61N2 - 6269 đến quán uống cà phê nên H nói “*Mượn xe của Ph cho tao với N đi*”. Ph là bạn của A nên đến ngồi chung bàn. A hỏi mượn xe mô tô của Phương cho H và N đi công chuyện thì Phương đồng ý. Sau đó, Phương dùng xe của A chở A đến nhà ông Thu rồi Ph lấy xe của A đi làm. H và N ngồi uống cà phê khoảng 15 phút sau thì H điều khiển xe của Phương chở N đến nhà bạn là Vương Văn Sáng (N), sinh năm 1991, nơi cư trú: ấp BD, xã BH, huyện TA, tỉnh Bình Dương. Khi gặp Sáng thì H mượn dao mã tấu của Sáng. Sau đó, H, N đi đến siêu thị ở thị trấn Lái Thiêu mua 02 con dao Thái Lan làm hung khí. Tiếp theo, H chở N điều khiển xe ra ngã tư HL thuộc huyện TA đứng chờ A. Khi A đến nhà ông Thu thì ông Thu giao cho A 42.600.000 đồng và nói Dương Văn Nhựt N, sinh năm 1990, trú tại ấp H II, xã TG, huyện TA, tỉnh Bình Dương đi cùng A đến chỗ bắt gà. Địa điểm bắt gà tại trại của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1973, ngụ tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. A cầm tiền bỏ vào túi quần và sau đó lấy ra để ở sát ghế ngồi của xe tải. Khi điều khiển xe ô tô ra đến ngã tư Hòa Lân thì A thấy N và H đang chờ. Thấy xe của A, H điều khiển xe mô tô theo sau. Khi đi cách ngã tư Hòa Lân khoảng 01km thì A gọi điện thoại cho N nói: “*Cứ đi theo*”. A đi theo đường ĐT 750 theo hướng từ MT đến MH. Khi đi đến ngã ba của lô cao su 3A và 4A A đưa tay trái ra chỉ vào ngã ba và vớt 01 cái khẩu trang màu xanh làm tín hiệu. A vẫn cho xe đi thẳng, H và N không hiểu ý A nên vẫn đi theo. Khi qua ngã ba khoảng hơn 100m thì gặp 02 quán giải khát, A dừng xe cho Nam xuống mua cà phê còn A điều khiển xe quay đầu lại. H và N cũng dừng xe, vào quán giải khát đổi diện mua thuốc hút; thấy A quay đầu xe nên H và N biết phải rẽ vào ngã ba nên quay ngược lại rẽ vào ngã ba. H điều khiển xe đi hết đường lô cao su đầu tiên (một bên là lô 3A một bên là lô 4B) vào đường lô cao su thứ hai (một bên là lô 5C một bên là lô 7A). Đến ngã tư lô cao su, H cho xe dừng lại, H và N đi ngược lại chỗ có hai cục đá, cả hai người cùng lăn hai cục đá ra đường để chặn xe của A, xong mỗi người đứng một bên. Khoảng 03 phút sau thì A tới, khi còn cách khoảng 30m thì A cho xe giảm tốc độ, khi A đến gần hai cục đá thì N dùng dao mã tấu chém hai cái vào đầu xe tải, phía trước trên đèn xe bên trái và la “*ngừng lại, ngừng lại*”. A cho xe dừng lại. N mở cửa xe kéo A xuống và dùng dao rạch hai đường vào hai cánh tay của A, mỗi bên một nhát. A bỏ chạy. N vớt con dao mã tấu vào lô cao su bên phải theo hướng xe A đi rồi quay lại lấy số tiền 42.600.000 đồng ở sát ghế A ngồi mà khi kéo A xuống N đã thấy. Còn H kẻ dao vào cổ của N bắt N mở cửa xe, H kéo N xuống và đánh N ngất xỉu. H lấy điện thoại di động Nokia 1650 của Nam. Sau khi cướp được tài sản, H điều khiển xe mô tô chở N về. Trên đường về, H và N

ghé vào quán nước giải khát không tên ven Quốc lộ 13 uống cà phê và đếm tiền được 42.600.000 đồng. Lúc này, H mới nói cho N biết cướp của N một điện thoại di động. H lấy 7.500.000 đồng và chiếc điện thoại rồi điều khiển xe mô tô về nhà S. H nhờ S đem trả xe cho Ph. N đón xe buýt về, đem cất tiền ở nhà người em tên Huỳnh Thị Chí L (P), sinh năm 1979, thường trú: xxx, khu phố ĐN, thị trấn L, huyện TA, tỉnh Bình Dương. Khi vào nhà bà L, N chào hỏi rồi đi ra phía sau giấu tiền trên máng hứng nước mưa của mái nhà. Buổi tối cùng ngày, N đến lấy tiền để đưa cho A cất giữ. Khi đến lấy tiền, N cũng vào nhà bà L chào hỏi rồi đi ra phía sau lấy tiền vì vậy bà L không biết việc N giấu tiền trong nhà của mình. Trước khi đưa tiền cho A, N lấy 5.000.000 đồng. A đem số tiền 30.100.000 đồng gửi tại phòng trọ của bạn tên Nguyễn Thị Bé L, sinh năm 1988, thường trú: ấp xx, xã HN, huyện GT, tỉnh Bến Tre (tạm trú: ấp BT 1, xã TG, huyện TA, tỉnh Bình Dương). Khi gửi tiền, A nói với bà Loan là tiền của N và H nhờ A giữ dùm. Đến ngày 05/4/2009, A lấy tiền và cất trong cốp xe của mình. Ngày 10/4/2009, A hẹn gặp H, N ở ngã 3 Trung Lương thuộc tỉnh Tiền Giang ra để đi đầu thú. Tại ngã 3 Trung Lương có H, N, A, Đoàn Văn S ngồi uống cà phê và nói chuyện. Trong lúc ngồi uống cà phê thì có Nguyễn Thị N, sinh năm 1989, thường trú ấp PTL, xã VP B, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang là bạn gái của S đến, A lấy 500.000 đồng từ số tiền cướp được cho Ni, nói: “cho em nè” và kêu N đón xe về Bình Dương. N cầm tiền và bỏ đi. H và N không chịu đầu thú mà đòi chia tiền, A đưa tiền cho H. H đưa điện thoại cho A và 100.000 đồng, đưa cho N 1.000.000 đồng và chi phí đi lại, ăn uống đều dùng từ số tiền cướp được. A về Bình Dương đưa điện thoại cho Phương. A nhờ Ph giao điện thoại lại cho vợ A là Trần Thị S nhưng Ph đã đem chiếc điện thoại đi bán và tiêu xài hết. Khi đưa điện thoại cho Ph, A không nói gì nên Ph không biết điện thoại là tài sản do cướp được mà có. Sau khi sự việc cướp xảy ra, A gặp Ph và kể cho Ph nghe việc mình đã mượn xe của Ph cho H và N đi cướp tài sản. Ph nghe và không đi báo Công an.

Sau khi xảy ra vụ việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu giữ các vật chứng gồm: 01 con dao (loại dao mã tấu); 02 con dao (Loại dao Thái Lan) và cái khẩu trang không thu giữ được, riêng 02 cục đá không thu giữ.

Kết luận định giá tài sản số 25/TĐG-TC ngày 07/8/2009 của Hội đồng định giá tài sản huyện Dầu Tiếng, kết luận: Điện thoại di động Nokia 1650 trị giá 759.000 đồng (Bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng). Và số tiền bị cướp là 42.600.000 đồng. Như vậy, tổng giá trị tài sản các đối tượng đã chiếm đoạt là 43.359.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng).

Ngày 11/4/2009, Nguyễn Duy A đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú. Ngày 17/4/2009, Nguyễn Chí N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đầu thú. Riêng bị cáo Huỳnh Văn H bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng đã truy nã bị cáo, và ban hành Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can.

Ngày 29/9/2009, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng ban hành Cáo trạng số 81/VKS-HS, truy tố Nguyễn Duy A, Nguyễn Chí N về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, truy tố Phạm Thành Phương về tội “Không tố giác tội phạm” theo khoản 1 Điều 314 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương áp dụng điểm d khoản 2 điều 133; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Chí N 04 (Bốn) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; Áp dụng điểm d khoản 2 điều 133; điểm b, o, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Duy A (Dễ) 03 (Ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 điều 314; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt Phạm Thành Ph 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng về tội “*Không tố giác tội phạm*”.

Đến ngày 29/9/2020, Huỳnh Văn H thực hiện hành vi giết người và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt giữ.

Quá trình điều tra, Huỳnh Văn H không thừa nhận hành vi cùng đồng phạm tội cướp tài sản vào ngày 03/4/2009 tại ấp Hòa Cường, xã Minh Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, nhưng với những chứng cứ như: Bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can của Nguyễn Chí N (Bút lục 88-103, 236-239, 407-408); Bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can của Nguyễn Duy A (Bút lục 51-86, 240-242, 339- 340); Bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can của Phạm Thành Phương (Bút lục 107-122, 342-343); Biên bản ghi lời khai của Vương Văn S (Bút lục 143-144, 151-152); Biên bản ghi lời khai của Dương Văn Nhựt N (Bút lục 124-129); Biên bản ghi lời khai của Đoàn Văn S (Bút lục 137-142; 422-423); Biên bản ghi lời khai của Trần Thị Nh (Bút lục 427-428); Biên bản nhận dạng của Nguyễn Duy A, Phạm Thành Ph (Bút lục 344-349); Biên bản nhận dạng của Nguyễn Chí N (Bút lục 408A-410, 424-425); Biên bản xác minh ngày 25/10/2021 tại Công an xã TT, huyện TT, tỉnh Sóc Trăng (Bút lục 429) đã đủ căn cứ xác định Huỳnh Văn H có hành vi cùng Nguyễn Chí N và Nguyễn Duy A tạo tình huống giả chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T số tiền 42.600.000 đồng và dùng dao uy hiếp tinh thần, dùng tay chân đánh Dương Văn Nhựt N, chiếm đoạt của Nam 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1650 trị giá 759.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng đã được giải quyết theo Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Tại bản Cáo trạng số: 99/CT-VKSĐT ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “cướp tài sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương trong phần tranh tụng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “cướp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

* Về vật chứng: Dao mã tấu của Vương Văn S; 02 dao thái lan đã xử lý xong nên không xem xét.

* Về trách nhiệm dân sự: Đã xử lý xong.

Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn H thành khẩn nhận tội và cho rằng trong giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố bị cáo sợ phải chịu thêm án tù nên không nH tội, nay bị cáo suy nghĩ lại, bị cáo thấy bản thân đã thực hiện hành vi phạm tội nên tự thừa nhận tội để hưởng sự khoan hồng của pháp luật, bị cáo H xác định không bị ai đe dọa, bức cung, nhục hình, ép buộc hay bất cứ hình thức nào khác.

NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nH định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Dầu Tiếng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn H đã thừa nhận toàn bộ nội dung bản cáo trạng số 99/CT-VKSDT ngày 19/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Từ lời khai nhận tội của bị cáo H tại phiên tòa đối chiếu với lời khai, đối chất, nH dạng của **Đoàn Văn S (N); Phạm Thành Phương; Vương Văn Sáng; Nguyễn Văn T; Nguyễn Thị Bé L; Nguyễn Duy A, Nguyễn Chí N; bị hại Dương Văn Nhứt N; Nguyễn Văn T, các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ** cùng kết quả xét xử tại bản án hình sự sơ thẩm số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã xác định: Ngày 03/4/2009, tại ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương, Huỳnh Văn H cùng Nguyễn Chí N, Nguyễn Duy A đã tạo tình huống giả chiếm đoạt của ông Nguyễn

Văn T số tiền 42.600.000 đồng (Bốn mươi hai triệu Sáu nghìn đồng) và dùng mã tấu, dao thái lan uy hiếp tinh thần, dùng tay chân đánh Dương Văn Nhứt N, chiếm đoạt của Phan Văn Nhứt N 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1650 trị giá 759.000 đồng (Bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng). Tổng trị giá tài sản mà H cùng N và A chiếm đoạt được là 43.359.000 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm năm mươi chín nghìn đồng). Hội đồng xét xử nhận định các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận bản Cáo trạng số: 99/CT-VKSDT ngày 12/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Huỳnh Văn H về tội “cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo H là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thực được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện bản chất xem thường pháp luật. Chiếm đoạt tài sản của người khác là tiền và điện thoại để chia nhau tiêu xài nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo mà không cần phải bỏ sức lao động. Hành vi của bị cáo H không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm về quyền sở hữu tài sản của người khác trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nói riêng và trên phạm vi cả nước nói chung nên cần xử bị cáo H mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm có điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo H không thừa nhận tội, bị cáo cho rằng bị cáo không tham gia cướp, không biết gì vụ cướp. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo thành **khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo vẫn được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.**

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có. Sau khi phạm tội bị cáo đã trốn và đã bị truy nã. Tuy không phải là tình tiết tăng nặng nhưng cũng là một nội dung để Hội đồng xét xử cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo H.

[7] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và điều luật đề nghị áp dụng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nH.

[8] Về vật chứng: Đã được giải quyết theo Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không xem xét.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T, bị hại N không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại; không có ý kiến gì về hình phạt và xin vắng mặt. Đã được giải quyết theo Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không xem xét.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Huỳnh Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm d khoản 2 Điều 133; điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn H phạm tội “cướp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn H 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Về vật chứng: Đã được giải quyết theo Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không xem xét.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết theo Bản án số 90/2009/HSST ngày 12/11/2009 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên không xem xét. Bị hại T, bị hại N không yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Huỳnh Văn H nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 26/01/2022).

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nH:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Công an H. Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS H. Dầu Tiếng;
- PV 27-Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ A Tuấn